

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN X  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HS-ST  
Ngày 14-3-2024.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Bá Khuyến.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Ngô Thị Quốc Thanh.

Ông Trần Đình Hương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Ông Cù Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2024/TLST-HS, ngày 19 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 11/2024/QĐXXST-HS, ngày 27 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Hồ Hữu P (tên gọi khác: B), sinh ngày 01 tháng 6 năm 1985 tại tỉnh Quảng Trị. Nơi cư trú: Tổ 0, ấp B1, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn I (không xác định được còn sống hay đã chết) và bà Đoàn Thị P, sinh năm 1956; vợ, con: Không; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 66/2023/HS-ST, ngày 09/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xử phạt 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị tạm giữ ngày 08/12/2022 chuyển tạm giam ngày 16/12/2022 theo Lệnh tạm giam số 03/LTG, ngày 16/12/2022 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt).

2. Trần Văn T1, sinh ngày 20 tháng 6 năm 1994 tại tỉnh Quảng Trị. Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch:

Việt Nam; con ông Trần Văn N, sinh năm 1948 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1952 (đã chết); có vợ là bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1996 và có 02 con, người con thứ nhất sinh năm 2018, người con thứ hai sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 29/5/2023 theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 36/LB, ngày 26/5/2023 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt).

3. Trần Quốc B1, sinh ngày 15 tháng 9 năm 1996 tại tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Phước H, sinh năm 1972 và bà Phạm Thị Thu T, sinh năm 1978; vợ, con: Không; tiền án: Tại Bản án số 19/2018/HSST, ngày 26/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã chấp hành xong hình phạt tù và nộp án phí hình sự sơ thẩm, chưa bồi thường nghĩa vụ dân sự, chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 02/6/2023 theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 35/LB, ngày 26/5/2023 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt).

4. Nguyễn Quốc T2 (tên gọi khác: TC), sinh ngày 02 tháng 12 năm 2002 tại tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc T (đã chết) và bà Nguyễn Thị Bích P (đã chết); vợ, con: Không; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 29/5/2023 theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 37/LB, ngày 26/5/2023 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt).

5. Huỳnh Thị Kim B2, sinh ngày 21 tháng 10 năm 1993 tại tỉnh An Giang. Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1958 (đã chết) và bà Châu Thị B, sinh năm 1958; có chồng là ông Phạm Ngọc P, sinh năm 1987 (đã ly hôn năm 2020) và có 02 con, người con thứ nhất sinh năm 2009, người con thứ hai sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Quyết định số 97/2016/QĐ-TA, ngày 25/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 12 (mười hai) tháng. Chấp hành xong và tự ra trại ngày 25/5/2017; bị bắt tạm giam ngày 29/5/2023 theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 34/LB, ngày 26/5/2023 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt).

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- + Ông Nguyễn Thành T3 (tên gọi khác: Đ), sinh năm 1987. Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).
- + Ông Võ Viết L (tên gọi khác: M), sinh năm 1993. Nơi cư trú: Tổ 0, ấp L, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).
- + Ông Trần Thái P1, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Tổ 0, ấp B1, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).
- + Ông Trần Ngọc D, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Tổ 0, ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).
- + Ông Nguyễn Hoàng P2 (tên gọi khác: NN), sinh năm 1993. Nơi cư trú: Tổ 0, ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).
- + Ông Ngô Văn C, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Tổ 0, ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).
- + Bà Đoàn Thị P3, sinh năm 1956. Nơi cư trú: Tổ 0, ấp B1, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 29/9/2021, tại Trạm kiểm soát dịch khu tránh trú bão và neo đậu tàu thuyền xã B, Công an xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tiến hành test (kiểm tra) nhanh Covid-19 đối với Ngô Văn C cho kết quả dương tính. Qua công tác truy vết lịch trình của C thể hiện, khoảng 20 giờ ngày 28/9/2021, C đến nhà của Hồ Hữu P tại ấp B1, xã B, huyện X chơi và sử dụng ma túy cùng với Hồ Hữu P, Nguyễn Quốc T2, Huỳnh Thị Kim B2 (đang chung sống như vợ chồng với P), Trần Văn T1, Trần Quốc B1, Nguyễn Thành T3, Võ Viết L, Trần Thái P1, Trần Ngọc D và Nguyễn Hoàng P2.

Từ lời khai ban đầu của C nên trong ngày 29/9/2021, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (từ đây viết tắt là: Cơ quan Cảnh sát Điều tra) đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Hồ Hữu P tại tổ 0, ấp B1, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Qua khám xét, thu giữ: 01 nắp nhựa màu đỏ gắn 01 ống hút nhựa màu đen và 01 nỏ thủy tinh, bên trong nỏ thủy tinh có bám dính chất kết tinh, không màu – trong suốt, nghi là ma túy đá (B1 2-4).

Quá trình điều tra xác định được diễn biến sự việc như sau: Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 28/9/2021, một người thanh niên tên Tr (không rõ nhân thân, lai lịch) đến nhà của P để rủ P sử dụng ma túy, P đồng ý nên hai người cùng thống nhất mỗi người góp 250.000 đồng. Sau đó, P đi đến khu vực cầu Đ thuộc ấp L, xã B mua 01 gói ma túy đá với giá 500.000 đồng của một người thanh niên tên Ch (không rõ nhân thân, lai lịch) và mang ma túy về lại nhà của mình. Tại đây, P cắt gói ma túy và đổ một ít vào nỏ thủy tinh của P có sẵn trong nhà, P sử dụng trước, đến Tr và người sử dụng ma túy

cuối cùng là Huỳnh Thị Kim B2. Số ma túy còn lại, P chia thành 02 gói, P đưa cho Tr 01 gói, còn P giữ 01 gói. Khi sử dụng và phân, chia ma túy xong, Tr mang ma túy đi về còn P tiếp tục phân gói ma túy của mình ra thành 02 gói rồi cất giấu tại nhà.

Đến khoảng 13 giờ ngày 28/9/2021, có B1, T2 (TC), T1 và P2 (NN) tới nhà của P chơi đánh bài. Trong lúc đánh bài, B1 có mượn của T1 400.000 đồng nên đến khoảng 17 giờ cùng ngày, T1 nói T2 (TC) xuống gặp B1 lấy giúp 400.000 đồng. T2 (TC) sử dụng xe mô tô của T1 đi gặp B1 nhưng B1 nói chưa có tiền nên T2 (TC) quay về lại nhà của P. Tại đây, T2 (TC) hỏi T1 có sử dụng ma túy không, T1 trả lời có, T1 điện thoại cho B1 hỏi có đồ không (được hiểu là có ma túy không) thì mua giúp 400.000 đồng, B1 trả lời đi mua mới có và nói luôn với T1 đưa thêm 100.000 đồng, để B1 mua giúp cho 500.000 đồng ma túy (trong đó có 400.000 đồng B1 nợ T1) thì T1 đồng ý. Sau đó, T1 đưa 100.000 đồng để T2 (TC) đưa cho B1 mua giúp ma túy, T2 (TC) điều khiển xe mô tô chở B1 đến khu vực cầu SĐ thuộc ấp L, xã B gặp một người thanh niên tên Ch (không rõ nhân thân, lai lịch) mua ma túy. Sau khi mua được ma túy, T2 (TC) chở B1 về lại nhà của P và B1 đã đưa gói ma túy cho T1. Lúc này, B2 đang ở trong nhà nên nghe được tiếng nói của ai đó hỏi mượn bộ dụng cụ sử dụng ma túy mặc dù không rõ người hỏi nhưng B2 vẫn đi vào phòng ngủ lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy ra để giữa chiếu, khi có bộ dụng cụ để sử dụng thì T1 nói T2 (TC) cắt ma túy đổ vào nỏ, T2 (TC) cắt gói ma túy rồi đổ một nửa ( $\frac{1}{2}$ ) gói vào nỏ, số ma túy còn lại T2 (TC) đưa cho T1 cất dưới chiếu, T2 (TC) đốt ma túy lên rồi T1, T2 (TC), B2, P và P2 (NN) cùng sử dụng. T1 hút được 03 đến 04 hơi (lần) thì đi về và mang theo số ma túy còn lại, trên đường về T1 cất giấu số ma túy dưới gốc cây trước cổng nhà của P.

Đến khoảng 19 giờ ngày 28/9/2021, có D, P1, B1, P2 (NN) và L (M) tới nhà P chơi. Lúc này, P lấy ra 01 gói ma túy đổ vào nỏ, đốt lên sử dụng, sau đó P1, P2 (NN), T2 (TC) và D tự lấy ma túy sử dụng, lúc sau thì D đi về. Khoảng 20 giờ cùng ngày, T1 quay lại nhà của P để lấy 500.000 đồng mà trước đó P mượn nợ của T1. Tại đây, T1 nhớ số ma túy còn lại đang cất giấu dưới gốc cây trước cổng nhà của P nên đi ra lấy ma túy vào. Lúc này, T1 nhìn thấy cạnh vị trí ngồi chơi bài có bộ dụng cụ sử dụng ma túy nên T1 nói còn ít đồ (nghĩa là còn ít ma túy) lúc chiều có ai chơi thì chơi, T1 vừa nói xong thì nghe có người nói “đổ vào đi” nhưng T1 không rõ là ai nói. T1 đổ gói ma túy vào nỏ, nấu lên sử dụng trước, tiếp theo là P1, P2 (NN), C và P tự lấy ma túy sử dụng. Một lúc sau, D và T3 (Đ) quay lại nhà của P tham gia chơi bài và cùng sử dụng ma túy, khi số ma túy mà T1 lấy từ gốc cây mang vào được sử dụng hết thì T1 đi về.

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, P tiếp tục vào phòng ngủ lấy ra 01 gói ma túy bỏ vào nỏ để P, T3 (Đ), C, P1, D và T2 (TC) cùng sử dụng, khi hết ma túy mọi người ra về còn P và B2 thì đi ngủ.

Ngày 29/9/2021, tại cơ quan chức năng P, T1, B1, T2 (TC), B2, P2 (NN), T3 (Đ), C, L (M) và P1 đã khai nhận sự việc như trên. Trong ngày này, Cơ quan Cảnh sát

Điều tra đã ra quyết định tạm giữ đồ vật, tài liệu của Hồ Hữu P gồm: 01 (một) phong bì màu vàng được niêm phong có in hình dấu của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và 02 (hai) hình dấu vân tay ghi “trở trái, trở phải” của Đoàn Thị P3 cùng các chữ ký ghi họ tên: Hoàng Anh T, Trần Khương T, Phan Thị D, Nguyễn Văn T. Bên trong phong bì có 01 (một) nắp nhựa màu đỏ có gắn 01 (một) ống hút bằng nhựa màu đen và 01 (một) nỏ thủy tinh bên trong có chất kết tinh (nghi là ma túy đá) được bám dính vào nỏ (B1 91).

Tại các Kết luận giám định, kết quả được xác định như sau:

1. Kết luận giám định số 491/KLGD-PC09-MT, ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Kết luận về đối tượng giám định: Mẫu chất kết tinh không màu – trong suốt chứa trong 01 (một) nỏ thủy tinh được niêm phong trong một phong bì màu vàng, có hình dấu của Cơ quan Cảnh sát Điều tra-CAH X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và 02 hình dấu vân tay màu đỏ ghi “Trở trái, trở phải - Đoàn Thị P3”, cùng các chữ ký ghi họ tên: Phan Thị D, Trần Khương T, Nguyễn Văn T, Hoàng Anh T gửi đến không đủ để giám định, không xác định được khối lượng.

Hoàn lại đối tượng giám định gồm: 01 phong bì gửi giám định đã được niêm phong (B1 96).

2. Kết luận giám định số 1383/KL-KTHS, ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Phân viện Khoa học Hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh-Bộ Công an. Kết luận về đối tượng giám định: Các mảnh thủy tinh nhỏ và 01 nỏ thủy tinh được niêm phong gửi giám định có chứa chất ma túy ở dạng vết (dính một lượng rất nhỏ trên các mảnh thủy tinh nhỏ và 01 nỏ thủy tinh) do vậy không xác định được khối lượng mẫu chất ma túy, loại: Methamphetamine.

Hoàn lại đối tượng gửi giám định: Mẫu vật còn lại sau giám định được niêm phong (B1 100).

Cáo trạng số 09/CT-VKSXM, ngày 17/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu truy tố bị cáo Hồ Hữu P (B), bị cáo Trần Văn T1, bị cáo Trần Quốc B1 và bị cáo Nguyễn Quốc T2 (TC) về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Huỳnh Thị Kim B2 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa hình sự giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hồ Hữu P (B), bị cáo Trần Văn T1, bị cáo Trần Quốc B1, bị cáo Nguyễn Quốc T2 (TC) và bị cáo Huỳnh Thị Kim B2 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

## 2. Về hình phạt và điều luật áp dụng:

### 2.1. Đối với bị cáo Hồ Hữu P (B):

- Hình phạt chính: Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 56 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hồ Hữu P (B) từ 09 (chín) năm đến 10 (mười) năm tù. Tổng hợp hình phạt 08 (tám) năm tù tại Bản án số 66/2023/HS-ST, ngày 09/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, buộc bị cáo Hồ Hữu P (B) phải chấp hành hình phạt chung từ 17 (mười bảy) năm đến 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 08/12/2022).

- Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

### 2.2. Đối với bị cáo Trần Văn T1:

- Hình phạt chính: Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn T1 từ 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 29/5/2023).

- Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

### 2.3. Đối với bị cáo Trần Quốc B1:

- Hình phạt chính: Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Quốc B1 từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 02/6/2023).

- Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

### 2.4. Đối với bị cáo Nguyễn Quốc T2 (TC):

- Hình phạt chính: Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T2 (TC) từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 29/5/2023).

- Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

### 2.5. Đối với bị cáo Huỳnh Thị Kim B2:

- Hình phạt chính: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Kim B2 từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 29/5/2023).

- Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì được niêm phong chứa mẫu vật còn lại sau giám định, số vụ 1383 ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Tại phiên tòa: Các bị cáo thừa nhận sau khi sự việc xảy ra, đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và tự nguyện khai nhận toàn bộ quá trình thực hiện tội phạm đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố; Các bị cáo thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và đều không tự bào chữa, tranh luận; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, ngoài lời khai có trong hồ sơ vụ án thì không ai gửi văn bản nêu ý kiến hoặc trình bày gì thêm. Riêng bà Đoàn Thị P3 có mặt tại phiên tòa nhưng cũng không có yêu cầu hay ý kiến bổ sung nào khác chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo P (B) là con ruột của mình.

Khi nói lời sau cùng, các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để các bị cáo sớm có cơ hội tái hòa nhập cộng đồng, trở thành người có ích cho xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội: Trong khoảng thời gian từ 09 giờ 00 phút đến 22 giờ 00 phút, ngày 28/9/2021 tại tổ 0, ấp B1, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (địa chỉ nhà của gia đình bà Đoàn Thị P3 – mẹ ruột bị cáo P). Bị cáo Hồ Hữu P, bị cáo Trần Văn T1, bị cáo Trần Quốc B1, bị cáo Nguyễn Quốc T2 (TC) và bị cáo Huỳnh Thị Kim B2 đã tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Khoảng 09 giờ ngày 28/9/2021, bị cáo Hồ Hữu P góp tiền cùng người thanh niên tên Tr (không rõ nhân thân, lai lịch) mua 01 gói ma túy đá với giá 500.000 đồng. Khi có ma túy, bị cáo P mang ma túy về nhà của mình cắt gói ma túy ra và đổ một ít vào nỏ thủy tinh (bộ dụng cụ sử dụng ma túy) có sẵn trong nhà rồi nấu (đốt) ma túy lên cùng sử dụng với Tr và bị cáo Huỳnh Thị Kim B2.

- Lần thứ hai: Khoảng 17 giờ ngày 28/9/2021, tại nhà của bị cáo P, bị cáo Trần Văn T1 đã nhờ bị cáo Trần Quốc B1 và bị cáo Nguyễn Quốc T2 (TC) đi mua giúp 500.000 đồng ma túy. Khi bị cáo B1 và bị cáo T2 (TC) mang ma túy về thì bị cáo B2 lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy của bị cáo P để trong phòng ngủ ra để bị cáo T2 (TC) cho một phần số ma túy của bị cáo T1 vào nỏ, nấu lên để bị cáo T1, bị cáo P, bị cáo B2, bị cáo T2 (TC) và người thanh niên tên P2 (NN) cùng nhau sử dụng.

- Lần thứ ba: Khoảng 19 giờ ngày 28/9/2021, lúc này nhà của bị cáo P có những người thanh niên tên D, P1, P2 (NN), L (M) và bị cáo B1 đến chơi. Khi thấy hết ma túy để sử dụng thì bị cáo P đã vào phòng ngủ của mình lấy 01 gói ma túy (số ma túy mua chung với người thanh niên tên Tr còn lại sau khi chia) mang ra cho vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy, nấu lên và sử dụng đầu tiên sau đó đến những người thanh niên tên D, P2 (NN), P1 và bị cáo T2 (TC) cùng sử dụng.

- Lần thứ tư: Khoảng 20 giờ ngày 28/9/2021, bị cáo P gọi điện thoại cho bị cáo T1 đến nhà của mình để trả nợ, cùng thời điểm này có 02 người thanh niên tên C và P1 cũng đến nhà bị cáo P chơi. Trong lúc đợi bị cáo P trả tiền thì bị cáo T1 thấy hết ma túy và nhớ lại còn cất giấu 01 gói ma túy dưới gốc cây trước cổng nhà của bị cáo P hồi cuối buổi chiều (số ma túy mà bị cáo B1 và bị cáo T2 mua giúp) nên đi ra lấy mang vào để sử dụng. Khi bị cáo T1 sử dụng ma túy xong thì lần lượt đến bị cáo P và những người thanh niên tên P1, P2 (NN), C sử dụng.

- Lần thứ năm: Khoảng 22 giờ ngày 28/9/2021, thời gian này tại nhà của bị cáo P có thêm người thanh niên tên T3 (Đ) đến để chơi đánh bài. Lúc này, bị cáo P thấy mọi người vẫn đang ngồi chơi nên tiếp tục đi vào phòng ngủ của mình lấy thêm 01 gói ma túy (số ma túy mua chung với người thanh niên tên Tr còn lại sau khi chia) mang ra nhưng không nhớ người nào cất, đổ ma túy vào nỏ và nấu lên mà chỉ biết khi đó bị cáo P, bị cáo T2 (TC) và những người thanh niên tên D, C, T3 (Đ), P1 cùng sử dụng.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định: Bị cáo Hồ Hữu P là người cung cấp chất ma túy 03 lần, cung cấp địa điểm, phương tiện, dụng cụ để các đối tượng dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo Trần Văn T1 là người cung cấp chất ma túy 02 lần cho các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo Nguyễn Quốc T2 và bị cáo Trần Quốc B1 là người chuẩn bị chất ma túy (mua giúp ma túy cho bị cáo T1) để các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy 02 lần; bị cáo Huỳnh Thị Kim B2 là người chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma túy (mang dụng cụ ra) cho các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy 01 lần.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp với biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường và bản ảnh hiện trường; phù hợp với kết luận giám định, với vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Chất ma túy thu giữ của các bị cáo được kết luận cụ thể là loại Methamphetamine (tại Kết luận giám định số 1383/KL-KTHS, ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Phân viện Khoa học Hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh-Bộ Công an).

Động cơ, mục đích phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo đều là người đã thành niên, có sức khỏe và đủ nhận thức để hiểu được tác hại của ma túy và những điều cấm của pháp luật đối với mọi hành vi phạm tội về ma túy nhưng từ sự khởi xướng của người thanh niên tên Tr (không rõ nhân thân, lai lịch) thay vì phải từ chối và ngăn cản thì các bị cáo lại bất chấp các quy định của pháp luật, mỗi bị cáo đã thực hiện ít nhất



một hành vi hoặc thực hiện liên tục nhiều hành vi như cung cấp và chuẩn bị chất ma túy, địa điểm, phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy với mục đích vừa thỏa mãn cho nhu cầu nghiện hút ma túy của bản thân vừa nhằm đưa chất ma túy một cách trái phép vào cơ thể người khác.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã vi phạm Điều 3 của Luật phòng, chống ma túy năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2008) và xâm phạm trực tiếp đến các chính sách của quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy; gây tác hại nhiều mặt cho xã hội, ảnh hưởng đối với sức khỏe con người, là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác, tạo dư luận xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là phạm tội nhưng vẫn thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, xác định vụ án có tính chất rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên hành vi của bị cáo P, bị cáo T1, bị cáo B1 và bị cáo T2 đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo B2 đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm nhân dân huyện X truy tố các bị cáo và việc luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, quá trình luận hình có xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

[2] Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Trần Văn T1 trong thời gian phục vụ tại ngũ năm 2013 đã được Bộ chỉ huy Biên phòng tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tặng danh hiệu Chiến sỹ tiên tiến, hiện tại đang nuôi 01 người con dưới 36 tháng tuổi nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cần nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy: Vụ án có nhiều người cùng tham gia nhưng chưa có sự bàn bạc, phân công vai trò chặt chẽ nên chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn. Hành vi đồng phạm của các bị cáo mang tính chất hỗn hợp, vừa có người thực hành, vừa có người xúi giục và vừa có người giúp sức nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với việc đồng phạm. Đối với bị cáo P, bản thân bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng sau khi bị phát hiện về hành vi có dấu hiệu tội phạm vào ngày 28/9/2021 và đang trong quá trình điều tra thì vào ngày 02/12/2022 bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội nên đến ngày 09/8/2023 đã

bị Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tại Bản án số 66/2023/HS-ST. Ngoài ra, bị cáo còn là người cung cấp chất ma túy 03 lần, cung cấp địa điểm, phương tiện, dụng cụ để các đối tượng dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy nên xác định bị cáo là người có nhân thân xấu và phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án; đối với bị cáo T1, bị cáo được xác định là người chưa có tiền án, tiền sự và về nhân thân từ trước đến nay chưa bị tòa án hay cơ quan nhà nước nào xem xét, xử lý. Bản thân bị cáo đã có thời gian 01 năm 05 tháng phục vụ trong lực lượng Bộ đội Biên phòng tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, được đơn vị ghi nhận vì đã có thành tích trong phong trào thi đua quyết thắng năm 2013 nhưng bị cáo không lấy đó làm tiêu chuẩn, thước đo cho bản thân, để tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu trở thành công dân tốt mà trong vụ án này, bị cáo được xác định là người cung cấp chất ma túy 02 lần cho các đối tượng sử dụng trái phép; đối với bị cáo T2 (TC), bị cáo cũng được xác định là người chưa có tiền án, tiền sự và về nhân thân từ trước đến nay chưa bị tòa án hay cơ quan nhà nước nào xem xét, xử lý nhưng vì ham muốn tầm thường của bản thân nên khi được bị cáo T1 nhờ mua giúp ma túy thì bị cáo đã thực hiện ngay thay vì phải can ngăn do đó, bị cáo được xác định là người chuẩn bị chất ma túy để các đối tượng sử dụng trái phép 02 lần; đối với bị cáo B1, bị cáo được xác định là người không có tiền sự nhưng có 01 tiền án tại bản án số 19/2018/HSST, ngày 26/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” đến nay chưa được xóa án tích do chưa thực hiện xong nghĩa vụ dân sự nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân trong cuộc sống hằng ngày mà khi được bị cáo T1 hỏi có đồ không (có ma túy không) mặc dù bản thân không có nhưng lại nhận lời bị cáo T1 để mua giúp 500.000 đồng ma túy (trong đó có 400.000 đồng của bị cáo trả nợ cho bị cáo T1) nên bị cáo được xác định là người chuẩn bị chất ma túy để các đối tượng sử dụng trái phép 02 lần; đối với bị cáo B2, bị cáo được xác định là người chưa có tiền án, tiền sự nhưng về nhân thân, ngày 25/8/2016 bị Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 12 tháng tại Quyết định số 97/2016/QĐ-TA, chấp hành xong và tự ra trại ngày 25/5/2017. Mặc dù, đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính nhưng bị cáo không tự sửa chữa những sai phạm của mình, tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội là thể hiện ý thức chấp hành pháp luật chưa nghiêm. Hành vi của bị cáo trong vụ án được xác định là người đã chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma túy cho các đối tượng sử dụng trái phép 01 lần.

Tất cả các bị cáo đều được cơ quan chức năng xác định là người nghiện ma túy nhưng không tự giác cai nghiện. Mặc dù, các bị cáo thấy rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội và bị pháp luật cấm nhưng trong khoảng thời gian 15 giờ của ngày 28/9/2021, các bị cáo đã thay nhau thực hiện đến 05 lần hành vi phạm tội nên xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, cần phải áp dụng hình

phạt tù có thời hạn, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo ý thức tôn trọng pháp luật, tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa các bị cáo phạm tội mới. Đồng thời, nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm.

- Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Hồ Hữu P, bị cáo Trần Văn T, bị cáo Nguyễn Quốc T2 và bị cáo Huỳnh Thị Kim B2 đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo Trần Quốc B1 có một tiền án nên lần phạm tội này bị cáo thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[3] Sự vắng mặt của một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng đã có lời khai làm rõ các tình tiết liên quan đến vụ án nên việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, vẫn tiến hành xét xử.

[4] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định khác và không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo theo khoản 5 Điều 255 của Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[5] Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

01 (một) phong bì được niêm phong chứa mẫu vật còn lại sau giám định, số vụ 1383 ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Đây là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Các vấn đề khác:

- Đối với người thanh niên tên Tr (không rõ nhân thân, lai lịch) là người mà bị cáo Ph khai đã góp tiền mua chung ma túy; người thanh niên tên Ch (không rõ nhân thân, lai lịch) là người mà bị cáo P và bị cáo B1 khai đã bán ma túy tại khu vực cầu SĐ thuộc ấp L, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vào ngày 28/9/2021 cho bị cáo P, bị cáo B1 và bị cáo T2. Hiện nay, chưa xác định được tên, tuổi và địa chỉ cụ thể của những người thanh niên này, ngoài lời khai của các bị cáo, Cơ quan Cảnh sát Điều tra không thu thập được tài liệu, chứng cứ nào khác, cũng như chưa làm việc được nên tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ và xử lý sau. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, giải quyết.

- Đối với ông Nguyễn Thành T3 (Đ), ông Võ Viết L (M), ông Trần Thái P1, ông Trần Ngọc D, ông Nguyễn Hoàng P2 (NN) và ông Ngô Văn C. Quá trình điều tra xác định, đây là những người chỉ tham gia sử dụng chất ma túy do bị cáo P và bị cáo T1 cung cấp trái phép. Ngoài ra, những người này không đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác; không cung cấp hay chuẩn bị ma túy dưới bất cứ hình thức nào; không

chuẩn bị địa điểm; không chuẩn bị dụng cụ, phương tiện dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, giải quyết về hành vi đồng phạm của những người này về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” cùng với bị cáo P, bị cáo T1, bị cáo B1, bị cáo T2 và bị cáo B2.

- Đối với bà Đoàn Thị P3, sinh năm 1956 (mẹ ruột của bị cáo P) đến nay đã gần 70 tuổi, sức khỏe yếu, việc đi lại gặp nhiều khó khăn nên thường xuyên phải nằm tại phòng khách phía trước của căn nhà. Việc các bị cáo và những người khác sử dụng ma túy tại phòng bếp phía sau của căn nhà thì bà P3 không biết nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà P3 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về lời khai của bị cáo P cho rằng, vào hồi 22 giờ ngày 28/9/2021, khi bị cáo lấy ma túy từ phòng ngủ của mình ra thì đã đưa cho ông Trần Ngọc D và nhờ ông D cắt, đổ ma túy vào nỏ, nấu lên để mọi người cùng sử dụng. Tuy nhiên, ông D phủ nhận việc này nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã tiến hành đối chất giữa ông D và bị cáo P vào ngày 06/12/2023. Nội dung biên bản đối chất thể hiện, bị cáo P khai nhận lại do thời gian xảy ra đã lâu nên không nhớ chính xác. Bên cạnh đó, khi làm việc với các bị cáo và những người có liên quan khác, không ai xác nhận việc đã nhìn thấy ông D nhận ma túy từ bị cáo P nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra chưa có đủ căn cứ để xử lý đối với ông D. Tại phiên tòa, bị cáo P vẫn giữ nguyên lời khai này nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, giải quyết hành vi đồng phạm của ông D.

- Về hành vi đánh bạc: Quá trình điều tra, các đối tượng đều khai nhận trong ngày 28/9/2021 có tham gia đánh bài dưới hình thức “Liêng” được thua bằng tiền. Trong đó, bị cáo P sử dụng số tiền 350.000 đồng; bị cáo T2 sử dụng số tiền 100.000 đồng; bị cáo B1 sử dụng số tiền 300.000 đồng; bị cáo T1 sử dụng số tiền 500.000 đồng; ông C sử dụng số tiền 600.000 đồng; ông P1 sử dụng số tiền 250.000 đồng; ông P2 sử dụng số tiền 300.000 đồng; ông D sử dụng số tiền 200.000 đồng để đánh bạc. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc là 2.600.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình truy vết dịch Covid-19 vào ngày 29/9/2021, các đối tượng mới khai nhận hành vi đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra không thu giữ được đồ vật, tài liệu dùng vào việc đánh bạc, theo khai nhận của các đối tượng tham gia đánh bạc thì tổng số tiền dưới 5.000.000 đồng. Qua xác minh các đối tượng đều chưa có tiền án, tiền sự về tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra chưa đủ căn cứ để xử lý về hành vi đánh bạc. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, giải quyết.

[7] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên Cơ quan cảnh sát Điều tra công an huyện X; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện X được phân công điều tra, kiểm sát giải quyết vụ án thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận nhận

thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, có cơ sở để xác định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### 1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Hồ Hữu P (tên gọi khác: B), bị cáo Trần Văn T1, bị cáo Trần Quốc B1, bị cáo Nguyễn Quốc T2 (tên gọi khác: TC) và bị cáo Huỳnh Thị Kim B2 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

### 2. Về hình phạt và điều luật áp dụng:

#### 2.1. Đối với bị cáo Hồ Hữu P (B):

- Hình phạt chính: Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 56 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hồ Hữu P (B) 09 (chín) năm tù. Tổng hợp hình phạt 08 (tám) năm tù tại Bản án số 66/2023/HS-ST, ngày 09/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, buộc bị cáo Hồ Hữu P (B) phải chấp hành hình phạt chung là 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 08/12/2022).

- Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

#### 2.2. Đối với bị cáo Trần Văn T1:

- Hình phạt chính: Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn T1 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 29/5/2023).

- Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

#### 2.3. Đối với bị cáo Trần Quốc B1:

- Hình phạt chính: Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51;

điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Quốc B1 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 02/6/2023).

- Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

#### 2.4. Đối với bị cáo Nguyễn Quốc T2 (TC):

- Hình phạt chính: Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T2 (TC) 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 29/5/2023).

- Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

#### 2.5. Đối với bị cáo Huỳnh Thị Kim B2:

- Hình phạt chính: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Kim B2 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 29/5/2023).

- Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì được niêm phong chứa mẫu vật còn lại sau giám định, số vụ 1383 ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

*(Vật chứng thu giữ đang được Chi cục Thi hành án Dân sự huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bảo quản theo Biên bản giao nhận vật chứng số 25/BB, ngày 22/01/2024).*

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hồ Hữu P (B), bị cáo Trần Văn T1, bị cáo Trần Quốc B1, bị cáo Nguyễn Quốc T2 (TC) và bị cáo Huỳnh Thị Kim B2, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (hai trăm nghìn) đồng.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần

bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND huyện X;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- CQ Điều tra Công an huyện X;
- CQ THA hình sự Công an huyện X;
- UBND xã B, huyện X;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- PV06, PC10 – Công an tỉnh BR-VT;
- CCTHA Dân sự huyện X;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Lê Bá Khuyến**